



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: 703-560-0058

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

IV # _____
VEWL.# _____
I-171 : Yes

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM LE VĂN SÁU
Last Middle First

Current Address 10/5 Tô 5 - ấp Đình Yên Khánh - Huyện Thủ Đức - TP Hồ Chí Minh

Date of Birth 20-5-1939 Place of Birth Yên Khánh - Gia Định

Previous Occupation (before 1975) Đại úy - Trưởng Phòng Trừ Hài - Quân Khu 1
(Rank & Position) Số quân: 59/155.663

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates : From 23-6-1975 To 17-01-1982

3. SPONSOR'S NAME: _____
Name

Address & Telephone

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

Name, Address & Telephone	Relationship
<u>LE THỊ TỰ</u>	<u>Em ruột</u>
<u>NGUYỄN</u>	<u>Em 12</u>

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

Date Prepared: _____

NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : LÊ VĂN SÁU SỐ QUÂN : 59/155663
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
NGUYỄN THỊ THÀNH	16-8-1944	1/3
LÊ THANH TUYỀN	10-8-1968	Con
LÊ THANH SANG	03-11-1970	Con
LÊ THANH TUYẾT	04-10-1972	Con

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

Không có

6. ADDITIONAL INFORMATION :

FROM: LÊ VĂN SÁU

10/5 Tổ 5 ấp Đình - xã An Khánh
Huyện Thủ Đức - TP. Hồ Chí Minh

South VIỆT NAM

TO:

FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON - VA 22205-0635

TELEPHONE: 703-560-0058



USA

PAR AVION VIA AIR MAIL



LÊ VĂN SÁU
29-5-1939

NGUYỄN THỊ THANH
16-8-1944

LÊ THANH TUYÊN
10-8-1968

LÊ THANH SANG
03-11-1970

LÊ THANH TUYẾT
04-10-1972

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: 022218597

Họ tên: LÊ VĂN SÁU

Sinh ngày: 29-5-1939

Nguyên quán: Thủ Đức,

TP. Hồ Chí Minh.

Nơi thường trú: 10/5 An Khánh,

Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.



Danh tặc:		Kinh		Tôn giáo: Thiên chúa	
		DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH			
		Một rươi nội cỡ 0,6cm trên sau dưới mắt phải.			
NGƯỜI TRỞ TRẠI		Tháng 5 năm 1987			
NGƯỜI TRỞ PHẢI		 TRƯỞNG TY CÔNG AN <i>Chai</i> <i>Vai Chanh</i>			

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: 022217178

Họ tên: LÊ THANH TUYẾT

Sinh ngày: 04-10-1972

Nguyên quán: Thủ Đức,

TP. Hồ Chí Minh.

Nơi thường trú: 10/5 An Khánh

Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.



Dân tộc: Kinh		Tôn giáo: Thiên chúa	
		DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH	
NGÓN TRỎ TRÁI		Sẹo tròn 0,3cm cách lên dưới trước đầu mắt trái.	
		NGÓN TRỎ PHẢI	
		Ngày tháng 5 năm 1987 CHỖ ĐÓNG DẤU VÀ CHỮ CHỮA TRƯỞNG TY CÔNG AN <i>Chang</i> <i>Chang</i>	

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: 021429312

Họ tên NGUYỄN THỊ THÀNH



Sinh ngày 16-08-1944

Nguyên quán An Khánh,

Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.

Nơi thường trú 10/5 An Khánh,

Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.

Danh tước: Kinh Tôn giáo: Thiên chúa	
	NGŦN TRỎ TRÁI
	DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HINH Sọ bầu dục dài 1,2cm rộng 0,5cm cách 3,5cm trên sau đầu mặt trái. Ngày 03 tháng 03 năm 1980 T. S. GIÁM ĐỐC H. C. TRƯỞNG TY CÔNG AN H. C. TRƯỞNG CÔNG AN H. THỦ CỤC <i>Minh</i> <i>Thổ dân Kinh</i>
	NGŦN TRỎ PHẢI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: 020218595

Họ tên: LÊ THANH TUYỀN



Sinh ngày: 08-8-1968

Nơi sinh: Thủ Đức,

TP. Hồ Chí Minh.

Nơi cư trú: 10/5 An Khánh,

TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.

Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Thiên chúa	
	NGON TRỐ TRAI
	NGON TRỐ PHẢI
DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH	
Sọc chạm cách 1 cm dưới sáu mép phải.	
15 tháng 5 năm 1987	
	
Trưởng Ty Công An	
<i>Handwritten signature: Kinh</i>	
<i>Handwritten signature: Thanh</i>	

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số **02267875**

Họ và tên **LÊ THANH SANG**

Ngày cấp **1-11-1970**

Nơi cấp **Phủ Sứ,**

Hồ Chí Minh.

Nơi ở **10/5 An Khánh**

Phủ Sứ, TP. Hồ Chí Minh



Dân tộc: Kinh		Tôn giáo: Thiên chúa	
		(DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH)	
		Sọc chấm cách 3 cm trên trước đầu ngón trái.	
		Ngày 5 tháng 5 năm 1987 CHỖ CHẤM DẤU HOẶC TRƯỞNG TÝ CÔNG AN	
NGON TRÚ PHẢI		 Trần Thành	



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: 703-560-0058

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

IV # _____
VEWL.# _____
I-171 : _____ Yes, _____

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM	<u>LE VAN</u>	<u>SAU</u>
	Last	First
Current Address	<u>10/5/41 ĐÌNH - XÃ AN KHÁNH Huyện Thuận Thành - TP HỒ Chí Minh</u>	
Date of Birth	<u>29-5-1939</u>	Place of Birth <u>Xã An đông - Gia đình</u>
Previous Occupation (before 1975) (Rank & Position)	<u>Sĩ quan: 59/155.663</u>	
2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP	Dates : From <u>23-6-1975</u> To <u>17-01-1982</u>	
3. SPONSOR'S NAME:	Name _____	
	Address & Telephone _____	
4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.		
	Name, Address & Telephone	Relationship
	<u>LE THI TU</u>	<u>Em ruột</u>
	<u>NGUYEN VAN LONG</u>	<u>Em 1/3</u>

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

Date Prepared: _____

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : LÊ VĂN SÁU SỐ QUÂN : 59/15T.663
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
NGUYỄN THỊ THANH	16-8-1944	Vợ
LÊ THANH TUYỀN	10-8-1968	Con
LÊ THANH SANG	03-11-1970	Con
LÊ THANH TUYẾT	04-10-1972	Con

DEPENDENT'S ADDRESS : (if different from above)

Không có

6. ADDITIONAL INFORMATION :

INTAKE FORM (Two Copies)
MAU DON VE LY-LICH

Họ 30 1001

NAME (Ten Tu-nhan) : LÊ VÂN SAU
Last (Ten Ho) Middle (Giua) First (Ten gọi)
DATE, PLACE OF BIRTH : Tháng 5 Ngày 29 Năm 1939
(Nam, nơi sinh) Month (Thang) Day (Ngày) Year (Nam)
SEX (Nam hay Nu) : Male (Nam): Nam Female (Nu): /
MARITAL STATUS Single (Doc than): / Married (Co lap gia dinh): X
(Tinh trang gia dinh):
ADDRESS IN VIETNAM : Tổ 51
(Dia chi tai Viet-Nam) 10/5 ấp BÌNH - Xã AN KHANH - Huyện THỦ ĐỨC
Thành phố HỒ CHÍ MINH
POLITICAL PRISONER (Co la tu nhan tai VN hay khong): Yes (Co) X No (Khong) /
If Yes (Neu co): From (Tu): 23-6-1975 To (Den): 17-6-1982
PLACE OF RE-EDUCATION: Hố C MỘN - HẠM TÂN (2302)
CAMP (Trai tu)
PROFESSION (Nghe nghiep): GIÁO VIÊN
EDUCATION IN U.S. (Du hoc tai My): /
VN ARMY (Quan doi VN) Rank (Cap bac): ĐẠI UY Trưởng Phòng Điều Hành Huyện ủy
VN GOVERNMENT (Trong chinh phu VN) Position (Chuc vu): Số quân: 59/155.663
Từ năm 1972 đến 1975 Date (nam): /
APPLICATION FOR O.D.P. (Da co nap don cho ODP): Yes (Co): X
IV Number (So ho so): /
No (Khong): /
NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (So nguoi di theo): 04 người
(Ten than nhan thap tung) Xin ghi ben sau voi day du chi
MAILING ADDRESS IN VN (Dia chi lien lac tai VN): Tổ 51
10/5 ấp BÌNH - Xã AN KHANH
Huyện Thủ Đức T.P. HỒ CHÍ MINH
NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Ten va Dia chi Than nhan hay Nguoi Bao tro)
LÊ THỊ TÚ
NGUYỄN VĂN LONG
U.S. CITIZEN (Quoc tịch Hoa-Ky): Yes (co): X No (Khong): /
RELATIONSHIP WITH PRISONER (Lien he voi tu nhan tai VN): Em ruột, Em vô
NAME & SIGNATURE: LÊ VĂN SAU Cháu đư
ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT
(Ten, Chu ky, Dia chi va Dien thoai cua nguoi dien don nay) /
DATE: Tháng 8 Ngày 2 Năm 1989.
Month (Thang) Day (Ngày) Year (Nam)

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : LÊ VĂN SAU SỐ QUÂN 59/155,663
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
NGUYỄN THỊ THANH	16-8-1944	VB
LÊ THANH TUYỀN	10-8-1968	Con
LÊ THANH SANG	03-11-1970	Con
LÊ THANH TUYẾT	04-10-1972	Con

DEPENDENT'S ADDRESS : (if different from above)

không có

ADDITIONAL INFORMATION :

INTAKE FORM (Two Copies)
MAU DON VE LY-LICH

NAME (Ten Tu-nhan) : LÊ VĂN SÁU
 Last (Ten Ho) Middle (Giua) First (Ten goi)
 DATE, PLACE OF BIRTH : Tháng 5 Ngày 29 Năm 1939
 (Nam, noi sinh) Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)
 SEX (Nam hay Nu) : Male (Nam) : Nam Female (Nu) : _____
 MARITAL STATUS Single (Doc than) : _____ Married (Co lap gia dinh) : X
 (Tinh trang gia dinh):
 ADDRESS IN VIETNAM : 10/5 Tô 5 ấp Đình - Xã AN KHANH - Huyện Thủ Đức
 (Dia chi tai Viet-Nam) Thành phố HỒ CHÍ MINH
 POLITICAL PRISONER (Co la tu nhan tai VN hay khong) : Yes (Co) X No (Khong) _____
 If Yes (Neu co) : From (Tu) : 23-6-1975 To (Den) : 17-01-1982
 PLACE OF RE-EDUCATION : HỒ MÔN - HẠM TÂN (230D)
 CAMP (Trai tu)
 PROFESSION (Nghe nghiep) : Giáo viên
 EDUCATION IN U.S. (Du hoc tai My) : _____
 VN ARMY (Quan doi VN) Rank (Cap bac) : Đại úy - Phòng Trừu ban Trại huấn luyện
 VN GOVERNMENT (Trong chinh phu VN) Position (Chức vụ) : Số quân 591155.663
 Từ năm 1972 đến năm 1975 Date (nam) : _____
 APPLICATION FOR O.D.P. (Da co nap don cho ODP) : Yes (Co) : X
 IV Number (So ho so) : _____
 No (Khong) : _____
 NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (So nguoi di theo) : 04 người
 (Ten than nhan thap tung) Xin ghi ben sau voi day du chi
 MAILING ADDRESS IN VN (Dia chi lien lac tai VN) : 10/5 Tô 5 ấp Đình - Xã An Khanh
Huyện Thủ Đức - TP. Hồ Chí Minh
 NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Ten va Dia chi Than nhan hay Nguoi Bao tro)
LÊ THỊ TỰ
NGUYỄN VĂN LONG
 U.S. CITIZEN (Quoc tịch Hoa-Ky) : Yes (co) : X No (Khong) : _____
 RELATIONSHIP WITH PRISONER (Lien he voi tu nhan tai VN) : Em ruột - tên Võ
 NAME & SIGNATURE : LÊ VĂN SÁU Qua
 ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT
 (Ten, Chu ky, Dia chi va Dien thoai cua nguoi dien don nay) _____
 DATE : Tháng 8 Ngày 2 Năm 1989
 Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : LÊ VĂN SÁU Số quân 59/155.663
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
<u>NGUYỄN THỊ THANH</u>	<u>16-8-1944</u>	<u>Vợ</u>
<u>LÊ THANH TUYỀN</u>	<u>10-8-1968</u>	<u>Con</u>
<u>LÊ THANH SANG</u>	<u>03-11-1970</u>	<u>Con</u>
<u>LÊ THANH TUYẾT</u>	<u>04-10-1972</u>	<u>Con</u>

DEPENDENT'S ADDRESS : (if different from above)

Không có

ADDITIONAL INFORMATION :

QUESTIONNAIRE FOR ODP APPLICANTS

ODP IV

Date : 4-4-1976

Orderly Departure Office
Paukabhum Building
127 South Sathorn Road
Bangkok 10120, Thailand

A. Lý lịch căn bản

1. Họ, tên : **LÊ VĂN SÁU** Giới tính : **Nam**
2. Họ, tên khác :
3. Ngày, nơi sinh : **7-29-5-1939 Xã An-Đông GIA-ĐÌNH.**
4. Địa chỉ thường trú : **10/5 Ấp Đình AN-KHÁNH Huyện THỦ-ĐỨC**
5. Địa chỉ thư từ : **10/5 Ấp Đình AN-KHÁNH Huyện THỦ-ĐỨC**
Thành Phố HỒ CHÍ MINH
6. Nghề nghiệp hiện tại :

B. Hà con cũng đi với tôi

Họ Tên : Ngày/tháng : Nơi : Phái : Tình trạng: Liên hệ
: năm sinh : sinh : : gia-dinh : gia-dinh

1. NGUYỄN-THỊ-THÀNH : 16-8-1944 : An Khê : Nữ : 60 : Vợ
 Gia đình : gia đình ;
~~2. LÊ-THANH-TUẤN : 17-7-1946 : Saigon : Nữ : độc thân : Con~~
 3. LÊ-THANH-TUYỀN : 10-8-1968 : Saigon : Nữ : độc thân : Con
 4. LÊ-THANH-SANG : 13-11-1970 : Saigon : Nam : độc thân : Con
 5. LÊ-THANH-TUYẾT : 14-10-1972 : Saigon : Nữ : độc thân : Con

C. họ hàng ở ngoài quốc

1. Bà con thân thuộc nhất ở Hoa Kỳ :
- a. Họ, tên : LÊ-THỊ-TU : NGUYỄN-VAN-LONG
- b. Liên hệ gia-đình : em gái : em trai
- c. Địa chỉ :

NJ 08232

- D. Ngày bà con đến Mỹ : 1975 . : 1979

2. Bà con thân thuộc nhất ở các nước khác : không có

D. Danh sách Toàn-Thể Gia-Dinh

1. Cha : LÊ-VĂN-THO (chết)
 2. Mẹ : VÕ-THỊ-QUAI (chết)
 3. Vợ : NGUYỄN-THỊ-THÀNH (sống)
 4. Vợ trước : không rõ
 5. Con cái : LÊ-THANH-TUỶ (sống) *lại Tu Long Miền Thán h già Thủ Thôn*
 LÊ-THANH-TUYÊN (sống)
 LÊ-THANH-SANG (sống)
 LÊ-THANH-TUYẾT (Sống)

6. Anh Chị Em : LÊ-VĂN-BÌNH (sống)
LÊ-THỊ-TÍNH (sống)
LÊ-VĂN-HÀ (sống)
LÊ-THỊ-TU (sống)

E. Bạn hoặc vợ đã ở làm việc cho công sở Chính Phủ Mỹ hoặc hàng

K h ô n g .

F. Bạn hoặc vợ đã công vụ với Chính Phủ Việt-Nam :

1. Họ tên người tham gia : LÊ-VĂN-SÁU
2. Ngày tháng năm : Từ tháng 8/1962 đến 30-4-1975
3. Cấp bậc cuối cùng : Đại-Úy - Số thẻ nhân viên 59/155663
4. Đơn vị binh chủng : Sư Đoàn 18 B.H. (từ tháng 6/63 đến 12/75)
Trưởng Bộ Binh (từ 1-69 đến 30-4-75)
5. Họ Tên người Sĩ Quan chỉ huy : Chuẩn Tướng DỖ-KẾ-GIAI (SB 18BB)
Trưởng Tướng NGUYỄN-VĨNH-NGHI (18BB)

6. Lý do nghỉ việc : biến cố tháng 4/1975

7. Họ Tên Cố Vấn Mỹ : không nhớ

8. Các khóa huấn luyện Hoa-Kỳ tại Việt Nam :

- Sĩ Quan Trung Đội Trưởng Bộ Binh (10 tháng)
- Đại Đội Trưởng Bộ Binh (3 tháng)
- Chỉ huy tham mưu (3 tháng)

9. Phần thưởng hoặc giấy khen : có nhưng không nhớ

G. Bạn hoặc vợ đã huấn luyện ở ngoài quốc : không có

H. Bạn hoặc vợ đã học tập cải tạo :

1. Họ tên người đi học tập cải tạo : LÊ-VĂN-SÁU
2. Thời gian học tập : 6 năm 6 tháng 24 ngày (từ 23-6-75/17-1-82)
3. Vẫn còn học tập cải tạo không ? : K h ô n g

I. Cước chủ phụ thuộc :

Gia đình tôi mong muốn được hưởng những điều khoản nhân đạo trong văn kiện ODP do hai Chính Phủ Việt-Nam và Hoa-Kỳ đã thỏa thuận.

Ký tên :

Ngày 4-6-1986

Lê Văn Sáu

ODP/B
6/84

QUESTIONNAIRE FOR ODP APPLICANTS

ODP IV _____

Date : 11-9-1976

Orderly Departure Office
Paukabhya Building
127 South Sathorn Road
Bangkok 10120, Thailand

A. Lý lịch căn bản

1. Họ, tên : LÊ VĂN SÁU Phái : Nam
2. Họ, tên khác : _____
3. Ngày nơi sinh : 29-5-1939 Xã An-Đông Huyện GIA-ĐÌNH
4. Địa chỉ thường trú : 10/5 Ấp Đình AN-KHÁNH Huyện THỦ-ĐỨC
5. Địa chỉ thư từ : 10/5 Ấp Đình AN-KHÁNH Huyện THỦ-ĐỨC
Thành Phố Hồ Chí MINH
6. Nghề nghiệp hiện tại : _____

B. Bà con cùng đi với tôi

Họ Tên	Ngày/tháng : năm sinh :	Nơi : sinh :	Phái	Tình trạng : gia-đình :	Liên hệ : gia-đình :
1. NGUYỄN-THỊ-THÀNH	: 16-8-1944	: AnKhánh : Gia-Định :	Nữ	: có : : gia-đình :	: Vợ
2. LÊ-THANH-TU	: 10-11-1944	: Saigon :	Nữ	: độc thân :	Con
3. LÊ-THANH-TUYẾN	: 10-8-1948	: Saigon :	Nữ	: độc thân :	Con
4. LÊ-THANH-SAM	: 11-11-1970	: Saigon :	Nam	: độc thân :	Con
5. LÊ-THANH-TUYẾT	: 10-10-1972	: Saigon :	Nữ	: độc thân :	Con

C. Họ hàng ở ngoại quốc

1. Bà con thân thuộc nhất ở Ngoại-Quốc :

a. Họ, tên : LÊ-THỊ-TU

b. Liên hệ gia-đình : em gái

c. Địa chỉ : _____

: Của tôi

: NGUYỄN-VĂN-LONG

: em trai

: _____

: Của vợ tôi

: NJ 08232

- a. Ngày bà con đến Mỹ : 1975 : 1979

2. Bà con thân thuộc nhất ở các nước khác : không có

D. Danh sách Toàn-Thể Gia-Đình

1. Cha : LÊ-VĂN-THO (chết)
2. Mẹ : VŨ-THỊ-QUÀI (chết)
3. Vợ : NGUYỄN-THỊ-THÀNH (sống)
4. Vợ trước : không có
5. Con cái : LÊ-THANH-TU (sống) & Lai Tu đồng Miền Thôn L. gia-Thủ Thi Ân
LÊ-THANH-TUYẾN (sống)
LÊ-THANH-SAM (sống)
LÊ-THANH-TUYẾT (Sống)

6. Anh Chị Em : LÊ-VĂN-HIỆN (sống)
 LÊ-THỊ-TÍNH (sống)
 LÊ-VĂN-MA (sống)
 LÊ-THỊ-TU (sống)

E. Bạn hoặc vợ đã có làm việc cho công sở Chính Phủ Mỹ hoặc hàng

K h ô n g .

F. Bạn hoặc vợ đã công vụ với Chính Phủ Việt-Nam :

1. Họ tên người tham gia : LÊ-VĂN-SÁU
2. Ngày tháng năm : Từ tháng 8/1962 đến 30-4-1975
3. Cấp-bậc cuối cùng : Đại-Úy - Số thẻ nhân viên 59/155663
4. Đơn vị binh chủng : Sư Đoàn 16 BB. (từ tháng 6/63 đến 1-75)
 Trưởng Bộ Binh (từ 1-69 đến 30-4-75)
5. Họ Tên người Sĩ Quan chỉ huy : Chuẩn Tướng ĐỖ-KIỆ-GIANG (S4 18BB)
 Trung Tướng NGUYỄN-VĂN-NGHI (P. 6)

6. Lý do nghỉ việc : biên cố tháng 4/1975

7. Họ Tên Cố Vấn Mỹ : không nhớ

8. Các khóa huấn luyện Hoa-Kỳ tại Việt Nam :

- Sĩ Quan Trung Đội Trưởng Bộ Binh (10 tháng)
- Đại Đội Trưởng Bộ Binh (3 tháng)
- Chỉ huy tham mưu (3 tháng)

9. Phần thưởng hoặc giấy khen : có nhưng không nhớ

G. Bạn hoặc vợ đã huấn luyện ở ngoài quốc : không có.

H. Bạn hoặc vợ đã học tập cải tạo :

1. Họ tên người đi học tập cải tạo : LÊ-VĂN-SÁU
2. Thời gian học tập : 6 năm 6 tháng 24 ngày (từ 23-6-75/17-1-82)
3. Vẫn còn học tập cải tạo không ? : K h ô n g

I. Cước chú phụ thuộc :

Gia đình tôi mong muốn được hưởng những điều khoản nhân đạo trong văn kiện ODP do hai Chính Phủ Việt-Nam và Hoa-Kỳ đã thỏa thuận.

Ký tên :

Ngày 4-9-1986

Lê Văn Sáu

Lê Văn Sáu

BỘ NỘI VỤ
Thủ Đức
Số 246 GRT
(158)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

376 8/2
Mẫu số 001-QLTG, ban hành theo công văn số 2563 ngày 27 tháng 11 năm 1972

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

SIISLD

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 946-ĐCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ;

Thị hành án văn, quyết định tha số 03 ngày 05 tháng 01 năm 1982
của B. Nội Vụ.

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh Lê Văn Sáu.

Họ, tên thường gọi Lê Văn Sáu.

Họ, tên bí danh

Sinh ngày tháng năm 1939.

Nơi sinh Gia Định.

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt 10/5 Ấp Đình, An Khánh, Thủ Đức,
TP. Hồ Chí Minh.

Can tội Đại úy trưởng phòng điều hành khối huấn luyện. ĐB

Bị bắt ngày 23-6-75 An phạt TTCT

Theo quyết định, áp văn số ngày tháng năm của

Đã bị tăng án lần, cộng thành năm tháng

Đã được giảm án lần, cộng thành năm tháng

Nay về cư trú tại 10/5 Ấp Đình, An Khánh, Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.

Nhận xét quá trình cải tạo

Trong thời gian học tập cải tạo đã có nhiều tiến bộ, chấp hành
nội quy nghiêm, Lao động và học tập tốt.

- Thời hạn quản chế: 12 tháng (Mười hai tháng).
 - Thời hạn đi đường: 02 ngày (Kể từ ngày ký giấy ra trại).
 - Tiền đi đường đã cấp từ trại về đến gia đình.
- (Nơi cư trú do chính quyền địa phương quy định).

Lên tay ngón trỏ phải
của Lê Văn Sáu.
Danh bản số
Lập tại

Họ tên, chữ ký
người được cấp giấy

Lê Văn Sáu

Ngày 17 tháng 1 năm 19 82

Giám thị

Trung tá Đoàn Mạch.

THAY ĐỔI CHỖ Ở CẢ HỘ

Chứng nhận đã chuyển đến ở :

Chứng nhận đã chuyển đến ở :

Từ ngày tháng năm

Từ ngày tháng năm

Ký tên, đóng dấu

Ký tên, đóng dấu

Chứng nhận đã chuyển đến ở :

Chứng nhận đã chuyển đến ở :

Từ ngày tháng năm

Từ ngày tháng năm

Ký tên, đóng dấu

Ký tên, đóng dấu

NHỮNG THAY ĐỔI KHÁC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN

HỘ KHẨU THƯỜNG TRÚ

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Số: 567109 CN

Họ và tên chủ hộ:

Phan Văn Dền

Ấp, ngõ, số nhà:

10/5 Ấp Bình

Thị trấn, đường phố:

Xã, phường:

An Thạnh

Huyện:

Châu Đức

Ngày 10 tháng 03 năm 1988

Trưởng công an: Trần Văn

(Ký tên, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Số NK 3:

NHỮNG NGƯỜI THƯỜNG TRÚ TRONG HỌ

[illegible]

VIỆT-NAM CỘNG-HOÀ

MIỀN PHÍ

ĐO-THÀNH SÀI-GÒN QUẬN NHẤT

XA AN-KHÁNH

~~THÀNH PHỐ SÀI GÒN~~~~QUẬN THỨ NHẤT~~

BẢN TRÍCH-LỤC BỘ HỘN-THỦ

HỒ-SỐ QUÂN-NHÂN

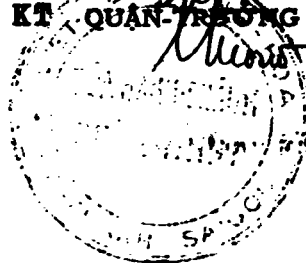
(BẮC --)

Năm 1965

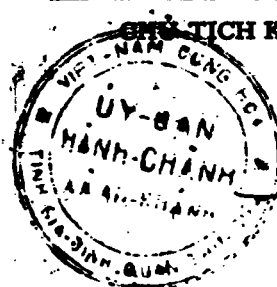
Số hiệu 07

Người chồng : (Tên họ)	LÊ - VĂN - SÁU
Sanh tại :	An-Đông-Xã (Gia-Định)
Sanh ngày :	29 - 05 - 1939
Cha chồng : (Tên họ, sống chết phải nói)	LÊ-VĂN-THO 52 tuổi (sống)
Mẹ chồng : (Tên họ, sống chết phải nói)	VÕ-THỊ-QUÀI 55 tuổi (sống)
Người vợ : (Tên, họ)	NGUYỄN-THỊ-THÀNH
Vợ (chánh hay vợ thứ)	Vợ chánh
Sanh tại :	An-khánh xa (Gia-Định)
Sanh ngày :	16 - 08 - 1944
Cha vợ : (Tên họ, sống chết phải nói)	NGUYỄN-VĂN-THẢO 52 tuổi (sống)
Mẹ vợ : (Tên họ, sống chết phải nói)	PHAN-THỊ-THIU 47 tuổi (sống)
Ngày cưới :	18 - 3 - 1965
Vợ chồng có khai nhận con tư-sanh làm con chánh-thứ không ? Họ, tên, tuổi, ngày sanh, nơi sanh, của mỗi con tư-sanh nhận con là con chánh thứ.	...

Chứng thật chữ ký bên đây là của Ông Chủ-Tịch
kiêm Ủy-viên Hộ-tịch Xã AN-KHÁNH
Sài Gòn THỨ NHẤT, ngày 03 tháng 8 năm 1966
KT. QUẢN-TRƯỞNG QUẬN I



Trích y bản chánh 1965
AN-KHÁNH, ngày 03 tháng 08 năm 1966



CHỦ-TỊCH KIỂM ỦY-VIÊN HỘ-TỊCH

NGUYỄN VĂN THÀNH

BẢN TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH

(Extrait du registre des actes de naissance)

AN-DÔNG-XA

-GIADINH-

(NAM-PHÂN)
(Sud-Viêt-Nam)

NĂM 1939
(Année)

SỐ HIỆU 65
(Acte No)

Tên, họ đứa con nít. (Nom et prénom de l'enfant)	LÊ VAN SAU
Nam, nữ (Sexe de l'enfant)	nam
Sanh ngày nào (Date de naissance)	10 29 mai 1939
Sanh tại chỗ nào. (Lieu de naissance)	An-dông-Xa
Tên, họ cha (Nom et prénom du père)	LÊ VAN THO
Cha làm nghề gì (Sa profession)	làm ruộng
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	An-dông-Xa
Tên, họ mẹ. (Nom et prénom de la mère)	VO THI QUAI
Mẹ làm nghề gì (Sa profession)	làm việc nhà
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	An-dông-Xa
Vợ chánh hay thứ (Son rang de femme mariée)	Vợ chánh.

Chúng tôi, Tôn-thất-Hiệp
(Nous)

được Chánh-Án Toà Saigon U.N.
(Président du Tribunal)

chứng cho hợp-pháp chữ ký tên của
(Certifions l'authenticité de la signature de)

Ông Nguyễn-van-Hàn
(M.)

Chánh Lục-sự Toà-án sở tại.
(Greffier en Chef dudit Tribunal).

Saigon, ngày 16-12- 1963

T. U. N. CHÁNH-ÁN,
(LE PRÉSIDENT)
THẨM-PHÁN.

Trích y bản chánh :
(Pour extrait conforme):

Saigon, ngày 16-12- 1963

CHÁNH LỤC-SỰ,
(LE GREFFIER EN CHEF)

Giá tiền: 58

(Cout)

Biên-lai số: 46436

(Quittance no)

BẢN TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH AN KHANH XA
(Extrait du registre des actes de naissance)

GIA ĐÌNH (NAM-PHẦN)
(Sud-Viêt-Nam)

NĂM 1944 SỐ HIỆU 107
(Année) (Acte No)

Tên, họ đứa con nít. (Nom et prénom de l'enfant)	NGUYEN THI THANH
Nam, nữ (Sexe de l'enfant)	Nu
Sanh ngày nào (Date de naissance)	Le 16 Août 1944
Sanh tại chỗ nào (Lieu de naissance)	An Khanh xa
Tên, họ cha (Nom et prénom du père)	NGUYEN VAN THAO
Cha làm nghề gì (Sa profession)	Propriétaire
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	An Khanh xa
Tên, họ mẹ (Nom et prénom de la mère)	PHAN THI THÊU
Mẹ làm nghề gì (Sa profession)	Lam việc nhà
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	An Khanh xa
Vợ chánh hay thứ (Son rang de femme mariée)	Vo chánh

Chúng tôi, Ton that Hiep
(Nous)
được Chánh-án Toà Saigon U.N.
(Président du Tribunal)
chứng cho hợp-pháp chữ ký tên của
(Certifions l'authenticité de la signature de)
Ông Le Minh Đạt
(M.)

Trích y bản chánh :
(Pour extrait conforme) :

Saigon, ngày 30 / II / 1964
K.T CHÁNH LỤC-SỰ,
(LE GREFFIER EN CHEF)

Chánh Lục-sự Toà-án sở tại.
(Greffier en Chef dudit Tribunal)

Saigon, ngày 30 / II / 1964
T. U. N. CHÁNH-ÁN,
(LE PRÉSIDENT)
THẨM-PHẦN.

Giá tiền : 5
(Coût)
Biên-lai số : 56798/BOI
(Quittance no)

TRÍCH - LỤC BỘ KHAI SANH

Năm một ngàn chín trăm Sáu mươi tám (1968)

Tên, họ đứa nhỏ.	LÊ-THANH-TUYỀN
Phái	Nữ
Ngày sanh.	Mười tháng tám năm một ngàn chín trăm sáu mươi tám - 9 giờ 30 -
Nơi sanh.	Phường Thủ-Thiên Quận Chín Sài Gòn
Tên, họ người Cha	LÊ-VAN-SÁU
Nghề-nghiep.	Quân nhân
Nơi cư-ngụ	Phường An-Khánh Quận Chín Sài Gòn
Tên, họ người mẹ.	NGUYỄN-THỊ-THÀNH
Nghề-nghiep.	Nội trợ
Nơi cư-ngụ.	Phường An-Khánh Quận Chín Sài Gòn
Vợ chánh hay thứ	Vợ chánh

TRÍCH-LỤC Y BỒN CHÁNH: 1968

Saigon, ngày 14 tháng 8 năm 1968

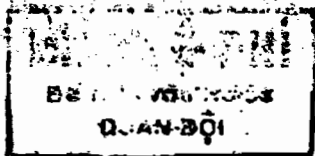
T.Đ.Đ. ĐÔ-TRƯỞNG SAIGON

K.Đ.Đ. TRƯỞNG QUẬN CHÍN,

M/6



NGUYỄN-THÀNH-HƯƠNG



ĐÔ-THÀNH SAIGON

Tòa Hành-Chánh Quận CHÍN

Số hiệu: 150

HỘ - TỊCH

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI SANH

Năm một ngàn chín trăm bảy mươi (1970)

Tên, họ đứa nhỏ . . .	LÊ-THANH-SANG
Phái.	nam
Ngày sanh	ba tháng mười một năm một ngàn chín trăm bảy mươi, hồi 20 giờ 40.
Nơi sanh	5/1 Thủ-Thiên, Quận Chín, Saigon.
Tên, họ người Cha . .	LÊ-VAN-SÁU
Tuổi.	ba mươi một
Nghề-nghiep.	Quân nhân
Nơi cư-ngụ	10/5 Khóm Chợ, Quận Chín, Saigon.
Tên, họ người Mẹ. . .	NGUYỄN-THỊ-THÀNH
Tuổi.	hai mươi sáu
Nghề-nghiep.	nội trợ
Nơi cư-ngụ	10/5 Khóm Chợ, Quận Chín, Saigon.
Vợ chánh hay thứ. . .	vợ chánh

Làm tại Saigon, ngày 9 tháng 11 năm 1970

TRÍCH-LỤC Y ĐƠN CHÍNH:

Saigon, ngày 11 tháng 11 năm 1970
TL. QUÂN-TƯỚNG QUÂN CHÍN CHI/1

ĐÔ . THÀ NH SAIGON

VIỆ T . NAM CỘNG . HÒA

TÒA HÀNH-CHÁ NH QUẬN 9

H Ộ . T Ị C H

Số hiệu: 449
S/IO ★

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH

Năm một ngàn chín trăm Bảy Mươi Hai (1972)

Tên, họ đứa nhỏ	LÊ-THANH-TUYẾT
Phái	Nữ
Ngày sanh	Ngày bốn tháng mười năm một ngàn chín trăm bảy mươi hai, 8 giờ 40
Nơi sanh.	số-5/I-Phường Thủ-Thiên, Quận-9
Tên, họ người Cha.	Lê-văn-Sáu
Tuổi	ba mươi bốn tuổi
Nghề-nghiệp.	Quân-Nhân
Nơi cư-ngụ	10/5-Khóm-Chợ, Quận-9
Tên, họ người Mẹ	Nguyễn-thị-Thành
Tuổi	hai mươi tám tuổi
Nghề-nghiệp	nội-trợ
Nơi cư-ngụ	10/5-Khóm-Chợ, Quận-9
Vợ chánh hay thế	Vợ Chánh

Lập tại Saigon, ngày 09 tháng 10 năm 1972

TRÍCH-LỤC Y BỔ N CHÁ NH:

Saigon, ngày 11 tháng 10 năm 1972

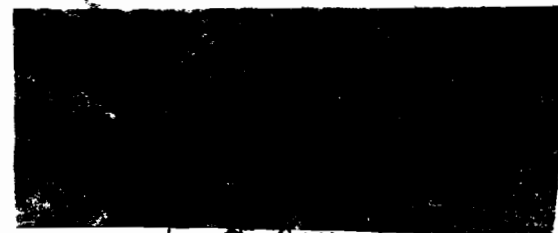
T. QUẢN-TRƯỞ NG QUẬN 9 K



Trần-nguyên-Thị-ng

FROM: LÊ VĂN SAU

10/5 TỐ 5. ấp Đình - Xã An Khánh
Huyện Thủ Đức - TP. Hồ Chí Minh
South Viet Nam



To:

FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS
ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON - VA 22205-0635
TELEPHONE: 703 - 560 - 0058



MÃY BAY
PAR AVION

USA

PAR AVION VIA AIR MAIL

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: 021429312

Họ tên NGUYỄN THỊ THÀNH



Sinh ngày 16-08-1961

Nguyên quán An Khánh,

Thị trấn, P. Hồ Chí Minh.

Nơi thường trú 10/5 An Khánh,

Thị trấn, P. Hồ Chí Minh.

Danh tộc: <u>Kinh</u> Tôn giáo: <u>Thiên chúa</u>	
NGON TRÚ TRÁI	DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DẤU HÌNH Sẹo bầu dục dài 1,2cm rộng 0,5cm cách 3,5cm trên sau đầu mặt trái.
NGON TRÚ PHẢI	Ngày <u>03 tháng 03 năm 1980</u> T. S. <u>TRƯỞNG CÔNG AN H. THỦ CỤC</u>  <u>Minh</u> <u>365 năm Thành</u>

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: 022016723

Họ tên: LÊ THANH SANG

Sinh ngày: 3-11-1970

Nơi sinh: Thủ Đức,

TP. Hồ Chí Minh.

Nơi thường trú: 10/5 An Khánh

Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Thiên chúa	
	(DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH)
	Sẹo chàm cách 3 cm trên trước đầu mày trái.
	Ngày 5 tháng 5 năm 1987 NGHĨAM ĐÓNG ĐẮC TRƯỞNG TY CÔNG AN



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: **022216597**

Họ tên **LÊ VĂN SÁU**

Sinh ngày **29-5-1939**

Nguyên quán **Thị Đức,**

TP. Hồ Chí Minh.

Nơi thường trú **10/5 An Khánh,**

Thị Đức, TP. Hồ Chí Minh.

Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Thiên chúa	
	NGƯỜI TRỎ TRÁI
	NGƯỜI TRỎ PHẢI
DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH	
Một ruồi nhỏ cách 0,6 cm trên sau đuôi mắt phải.	
Ngày 5 tháng 5 năm 1987	
CHỖ DẤU DẶM CỦA TRƯỞNG TY CÔNG AN	
 Chai Vũ Thành	



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: 022217178

Họ tên LÊ THANH TUYẾT

Sinh ngày 04-10-1972

Nguyên quán Thủ Đức,
TP. Hồ Chí Minh.

Nơi thường trú 10/5 An Khánh
Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.

Dân tộc: Kinh		Tôn giáo: Thiên chúa	
		DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH	
NGÓN TRỎ TRÁI		Sẹo tròn 0,3cm gách lợn dưới trước đầu mắt trái.	
		Ngày tháng năm 1987	
NGÓN TRỎ PHẢI		 Thiếu tá Trần Văn Thanh Trưởng Ty Công An	

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: 020216595

Họ tên: LÊ THANH TUYỀN



Sinh ngày: 10-8-1968

Nguồn quán: Thủ Đức,
TP. Hồ Chí Minh.

Nơi thường trú: 10/5 An Khánh,
Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.

Dân tộc:

Kinh .. Tôn giáo: .. Thiên chúa

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH

Sọc chạm cách 1 cm
dưới sáu mép phải.

05 tháng 5 năm 1987

TRƯỞNG TY CÔNG AN



Handwritten signature and stamp
Thống Nhất Thành

NGON TRO TRAI

NGON TRỐ PHẢI





LÊ VĂN SÁU NGUYỄN T. THANH LÊ THANH TUYẾN
 29-5-1939 16-8-1944 10-8-1968

LÊ THANH SANG LÊ THANH TUYẾT
 03-11-1970 04-10-1972



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: 703-560-0058

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

IV # _____
VEWL.# _____
I-171 : Yes, _____

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM	<u>LÊ</u> Last	<u>VĂN</u> Middle	<u>SÁU</u> First
Current Address	<u>10/5 TB Phường 5 - Xã AN KHANH - Huyện Thủ Đức - TP Hồ Chí Minh</u>		
Date of Birth	<u>29-5-1939</u>	Place of Birth	<u>Xã An Đông - Gia Định</u>
Previous Occupation (before 1975) (Rank & Position)	<u>Đại úy - Trưởng Phòng Điều hành Khố Huấn luyện</u> <u>Số quân: 59/155.663</u>		
2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP	Dates : From <u>23-6-1975</u> To <u>17-01-1982</u>		
3. SPONSOR'S NAME:	Name _____ Address & Telephone _____		
4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.	Name, Address & Telephone Relationship		
	<u>LÊ THỊ TỰ</u>		<u>Em ruột</u>
	<u>NGUYỄN VĂN LONG</u>		<u>Em út</u>

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

Date Prepared: _____

NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : LÊ VĂN SAU số quên: 59/155.663
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
NGUYỄN THỊ THANH	16-8-1944	1/2
LÊ THANH TUYỀN	10-8-1968	Con
LÊ THANH SANG	03-11-1970	Con
LÊ THANH TUYẾT	04-10-1972	Con

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

không có

6. ADDITIONAL INFORMATION :



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: 703-560-0058

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

IV # _____
VEWL. # _____
I-171 : Yes, _____

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM	<u>LÊ</u> Last	<u>VĂN</u> Middle	<u>SAU</u> First
Current Address	<u>10/5 Tô 5 - ấp Đình - xã AN KHANH - Huyện Thủ Đức - TP Hồ Chí Minh</u>		
Date of Birth	<u>29-5-1939</u>	Place of Birth	<u>Xã An Đông - Gia Định</u>
Previous Occupation (before 1975) (Rank & Position)	<u>Đại úy - Trưởng Phòng Điều hành Khố Huân huyện</u> <u>Số quân: 59/155.663</u>		
2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP	Dates : From <u>23-6-1975</u> To <u>17-01-1982</u>		
3. SPONSOR'S NAME:	Name _____ Address & Telephone _____		
4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.	Name, Address & Telephone Relationship <u>LÊ THỊ TỰ</u> <u>Em ruột</u> <u>NGUYỄN VĂN LONG</u> <u>Em rể</u>		

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

Date Prepared: _____

NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : LÊ VĂN SÁU SS'quân: 59/155.663
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
NGUYỄN THỊ THÀNH	16-8-1944	V3
LÊ THANH TUYỀN	10-8-1968	Cm
LÊ THANH SANG	03-11-1970	Cm
LÊ THANH TUYẾT	04-10-1972	Cm

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

không có

5. ADDITIONAL INFORMATION :

INTAKE FORM (Two Copies)
MAU DON VE LY-LICH

NAME (Ten Tu-nhan) : LE VAN SAU
Last (Ten Ho) Middle (Giua) First (Ten goi)
DATE, PLACE OF BIRTH : Tháng 5 Ngày 29 Năm 1939
(Nam, noi sinh) Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)
SEX (Nam hay Nu) : Male (Nam): Nam Female (Nu): _____
MARITAL STATUS Single (Doc than): _____ Married (Co lap gia dinh): X
(Tinh trang gia dinh):
ADDRESS IN VIETNAM : 10/5 Tô 5 ấp Đình - Xã AN KHANH - Huyện THỦ ĐỨC
(Dia chi tai Viet-Nam) Thành phố HỒ CHÍ MINH
POLITICAL PRISONER (Co la tu nhan tai VN hay khong): Yes (Co) X No (Khong) _____
If Yes (Neu co): From (Tu): 22-6-1975 To (Den): 17-01-1982
PLACE OF RE-EDUCATION: HỒ C MÔN - HẠM TÂN (Z30D)
CAMP (Trai tu):
PROFESSION (Nghe nghiep): Giáo viên
EDUCATION IN U.S. (Du hoc tai My): _____
VN ARMY (Quan doi VN) Rank (Cap bac): ĐẠI ÚY - Trưởng Phòng Điều Hành Khố Huân luyện
VN GOVERNMENT (Trong chinh phu VN) Position (Chuc vu): Số quân: 59/155.663
Từ năm 1972 đến năm 1975 Date (nam): _____
APPLICATION FOR O.D.P. (Da co nap don cho ODP): Yes (Co): X
IV Number (So ho so): _____
No (Khong): _____
NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (So nguoi di theo): 4 người
(Ten than nhan thap tung) Xin ghi ben sau voi day du chi
MAILING ADDRESS IN VN (Dia chi lien lac tai VN): 10/5 Tô 5 - ấp Đình - Xã An Khanh
Huyện Thủ Đức - Thành phố Hồ Chí Minh
NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Ten va Dia chi Than nhan hay Nguoi Bao tro):
LE THI TU - Em ruột
NGUYEN VAN LONG - Em vô
U.S. CITIZEN (Quoc tịch Hoa-Ky): Yes (co): X No (Khong): _____
RELATIONSHIP WITH PRISONER (Lien he voi tu nhan tai VN): Em ruột, Em vô
NAME & SIGNATURE: LE VAN SAU Wang Su
ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT
(Ten, Chu ky, Dia chi va Dien thoai cua nguoi dien don nay) _____
DATE: Tháng 8 Ngày 2 Năm 1939
Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : LÊ VAN SAU ^{quân 59/155663}
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
NGUYEN ^{NC} TH [^] THANH [^]	16-8-1944	Vò
LÊ [^] THANH [^] TUYEN [^]	10-8-1968	Con
LÊ [^] THANH [^] SANG [^]	03-11-1970	Con
LÊ [^] THANH [^] TUYET [^]	04-10-1972	Con

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

Không có

ADDITIONAL INFORMATION :

INTAKE FORM (Two Copies)
MAU DON VE LY-LICH

NAME (Ten Tu-nhan) : LE VAN SAU
Last (Ten Ho) Middle (Giua) First (Ten goi)

DATE, PLACE OF BIRTH : Tháng 5 Ngày 29 Năm 1939
(Nam, noi sinh) Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

SEX (Nam hay Nu) : Male (Nam): Nam Female (Nu): _____

MARITAL STATUS Single (Doc than): _____ Married (Co lap gia dinh): X
(Tinh trang gia dinh):

ADDRESS IN VIETNAM : 10/5 Tô 5 ấp Đình - Xã AN KHANH - Huyện THỦ ĐỨC
(Dia chi tai Viet-Nam) Thành phố HỒ CHÍ MINH

POLITICAL PRISONER (Co la tu nhan tai VN hay khong): Yes (Co) X No (Khong) _____
If Yes (Neu co): From (Tu): 23.6-1975 To (Den): 17-01-1982

PLACE OF RE-EDUCATION: HỒ C MÔN - HẠM TÂN (Z30D)
CAMP (Trai tu)

PROFESSION (Nghe nghiep): Giáo viên

EDUCATION IN U.S. (Du hoc tai My): _____
VN ARMY (Quan doi VN) Rank (Cap bac): Đại úy - Trưởng Phòng Điều Hành Khố Huân luyện
VN GOVERNMENT (Trong chinh phu VN) Position (Chuc vu): Số quân 59/155.663
Từ năm 1972 đến năm 1975 Date (nam): _____

APPLICATION FOR O.D.P. (Da co nap don cho ODP): Yes (Co): X
IV Number (So ho so): _____
No (Khong): _____

NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (So nguoi di theo): 04 người
(Ten than nhan thap tung) Xin ghi ben sau voi day du chi

MAILING ADDRESS IN VN (Dia chi lien lac tai VN): 10/5 Tô 5 - ấp Đình - Xã An Khanh
Huyện Thủ Đức - TP Hồ Chí Minh

NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Ten va Dia chi Than nhan hay Nguoi Bao tro):
LE THI TU Em ruột
NGUYỄN VĂN LONG Em vô

U.S. CITIZEN (Quoc tịch Hoa-Ky): Yes (co): X No (Khong): _____

RELATIONSHIP WITH PRISONER (Lien he voi tu nhan tai VN): Em ruột, Em vô

NAME & SIGNATURE: LE VAN SAU Wawawu

ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT
(Ten, Chu ky, Dia chi va Dien thoai cua nguoi dien don nay) _____

DATE: Tháng 1 Ngày 2 Năm 1989
Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : LÊ VĂN SÁU số quân: 59/155.663
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
NGUYỄN THỊ THANH	16-8-1944	Vợ
LÊ THANH TUYỀN	10-8-1968	Con
LÊ THANH SANG	03-11-1970	Con
LÊ THANH TUYẾT	04-10-1972	Con

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

Không có

ADDITIONAL INFORMATION :

QUESTIONNAIRE FOR ODP APPLICANTS

ODP IV _____

Date : 4-9-1976

Orderly Departure Office
Paukabhum Building
127 South Sathorn Road
Bangkok 10120, Thailand

A. Lý Lịch căn bản

1. Họ, tên : LÊ VAN SÁU Phái : Nam
2. Họ, tên khác :
3. Ngày nơi sinh : 29-5-1939 Xã An-Đông Huyện GIA-ĐÌNH
4. Địa chỉ thường trú : 10/5 Ấp Đình AN-KHÁNH Huyện THỦ-ĐỨC
5. Địa chỉ thư từ : 10/5 Ấp Đình AN-KHÁNH Huyện THỦ-ĐỨC
Thành Phố Hồ Chí MINH
6. Nghề nghiệp hiện tại :

B. Bà con cùng đi với tôi

Họ Tên	Ngày/tháng/năm sinh	Nơi sinh	Phái	Tình trạng gia-đình	Liên hệ gia-đình
1. NGUYỄN-THỊ-THÀNH	16-8-1944	AnKhánh:	Nữ	có	Vợ
		Gia-Đình:		gia-đình	
2. LÊ-THANH-THUY	17-7-1966	Saigon	Nữ	độc thân	Con
3. LÊ-THANH-TUYỀN	10-8-1968	Saigon	Nữ	độc thân	Con
4. LÊ-THANH-SANG	3-11-1970	Saigon	Nam	độc thân	Con
5. LÊ-THANH-TUYẾT	4-10-1972	Saigon	Nữ	độc thân	Con

C. Họ hàng ở ngoại quốc

1. Bà con thân thuộc nhất ở Hoa-Kỳ :
: Của tôi : Của vợ tôi
- a. Họ, tên : LÊ-THỊ-TƯ : NGUYỄN-VAN-LONG
- b. Liên hệ gia-đình : em gái : em trai
- c. Địa chỉ :

B. Ngày bà con đến Mỹ : 1975 : 1979

2. Bà con thân thuộc nhất ở các nước khác : không có

D. Danh sách Toàn-Thể Gia-Đình

1. Cha : LÊ-VAN-THO (chết)
2. Mẹ : VŨ-THỊ-QUÀI (chết)
3. Vợ : NGUYỄN-THỊ-THÀNH (sống)
4. Vợ trước : không có
5. Con cái : LÊ-THANH-THUY (sống) *3 con*
LÊ-THANH-TUYỀN (sống)
LÊ-THANH-SANG (sống)
LÊ THANH TUYẾT (Sống)

6. Anh Chị Em : LÊ-VĂN-BIÊN (sống)
 LÊ-THỊ-TÍNH (sống)
 LÊ-VĂN-BA (sống)
 LÊ-THỊ-TU (sống)

E. Bạn hoặc vợ đã có làm việc cho công sở, Chính Phủ Mỹ hoặc hàng

K h' o n g

F. Bạn hoặc vợ đã công vụ với Chính Phủ Việt-Nam :

1. Họ tên người tham gia : LÊ-VĂN-SÁU
2. Ngày tháng năm : Từ tháng 8/1962 đến 30-4-1975
3. Cấp bậc cuối cùng : Đại-Úy - Số thẻ nhân viên 59/155663
4. Đơn vị binh chủng : Sư Đoàn 18 B.H. (từ tháng 6/63 đến 12/68)
 Trưởng Bộ Binh (từ 1-69 đến 30-4-75)
5. Họ Tên người Sĩ Quan chỉ huy : Chuẩn Tướng ĐỖ-KIỆT-GIAI (SB 1868)
 Trung Tướng NGUYỄN-VĨNH-NGHI (P. 6)

6. Lý do nghỉ việc : biến cố tháng 4/1975
7. Họ Tên Cố Vấn Mỹ : không nhớ
8. Các khóa huấn luyện Hoa-Kỳ tại Việt Nam :
 - Sĩ Quan Trung Đội Trưởng Bộ Binh (10 tháng)
 - Đại Đội Trưởng Bộ Binh (3 tháng)
 - Chỉ huy tham mưu (3 tháng)
9. Phần thưởng hoặc giấy khen : có nhưng không nhớ

G. Bạn hoặc vợ đã huấn luyện ở ngoại quốc : không có

H. Bạn hoặc vợ đã học tập cải tạo :

1. Họ tên người đi học tập cải tạo : LÊ-VĂN-SÁU
2. Thời gian học tập : 6 năm 6 tháng 24 ngày (từ 23-6-75/17-1-82)
3. Vẫn còn học tập cải tạo không ? : K h' o n g

I. Cước chú phụ thuộc :

Gia đình tôi mong muốn được hưởng những điều khoản nhân đạo trong văn kiện ODP do hai Chính Phủ Việt-Nam và Hoa-Kỳ đã thỏa thuận.

Ký tên :

Ngày 4-9-1986

Le van Sau

Le van Sau

ODP/B
 6/84

QUESTIONNAIRE FOR ODP APPLICANTS

ODP IV _____

Date : 4-9-1976

Orderly Departure Office
Paukabhum Building
127 South Sathorn Road
Bangkok 10120, Thailand

A. Lý Lịch căn bản

1. Họ, tên : LÊ VAN SÁU Phái : Nam
2. Họ, tên khác :
3. Ngày nơi sinh : 29-5-1939 Xã An-Đông GIA-ĐÌNH
4. Địa chỉ thường trú : 10/5 Ấp Đình AN-KHÁNH Huyện THỦ-ĐỨC
5. Địa chỉ thư từ : 10/5 Ấp Đình AN-KHÁNH Huyện THỦ-ĐỨC
Thành Phố HỒ CHÍ MINH
6. Nghề nghiệp hiện tại :

B. Bà con cùng đi với tôi

Họ Tên	Ngày/tháng/năm sinh	Nơi sinh	Phái	Tình trạng gia-đình	Liên hệ gia-đình
1. NGUYỄN-THỊ-THÀNH	16-8-1944	AnKhánh:	Nữ	có gia-đình	Vợ
2. LÊ-THANH-TRUY	17-7-1966	Saigon:	Nữ	độc thân	Con
3. LÊ-THANH-TUYỀN	10-8-1968	Saigon:	Nữ	độc thân	Con
4. LÊ-THANH-SANG	3-11-1970	Saigon:	Nam	độc thân	Con
5. LÊ-THANH-TUYẾT	4-10-1972	Saigon:	Nữ	độc thân	Con

C. Họ hàng ở ngoại quốc

1. Bà con thân thuộc nhất ở Hoa-Kỳ :
 : Của tôi : Của vợ tôi
 a. Họ, tên : LÊ-THỊ-TU : NGUYỄN-VAN-LONG
 b. Liên hệ gia-đình : em gái : em trai
 c. Địa chỉ :
 :
 : NJ 08232

8. Ngày bà con đến Mỹ : 1975 : 1979

2. Bà con thân thuộc nhất ở các nước khác : không có

D. Danh sách Toàn-Thể Gia-Đình

1. Cha : LÊ-VAN-THO (chết)
2. Mẹ : VÕ-THỊ-QUẢ (chết)
3. Vợ : NGUYỄN-THỊ-THÀNH (sống)
4. Vợ trước : không có
5. Con cái : LÊ-THANH-TRUY (sống) *ở lại tu động Miền thân gia - Thủ Thiêm*
 LÊ-THANH-TUYỀN (sống)
 LÊ-THANH-SANG (sống)
 LÊ-THANH-TUYẾT (sống)

6. Anh Chị Em : LÊ-VĂN-BIỆN (sống)
 LÊ-THỊ-TÍNH (sống)
 LÊ-VĂN-HA (sống)
 LÊ-THỊ-TƯ (sống)

E. Bạn hoặc vợ đã có làm việc cho công sở Chính Phủ Mỹ hoặc hàng

K h ô n g

F. Bạn hoặc vợ đã công vụ với Chính Phủ Việt-Nam :

1. Họ tên người tham gia : LÊ-VĂN-SÁU
2. Ngày tháng năm : Từ tháng 8/1962 đến 30-4-1975
3. Cấp-bậc cuối cùng : Đại-Úy - Số thẻ nhân viên 59/155663
4. Đơn vị binh chủng : Sư Đoàn 16 BB. (từ tháng 6/63 đến 12/75)
 Trường Bộ Binh (từ 1-69 đến 30-4-75)
5. Họ Tên người Sĩ Quan chỉ huy : Chuẩn Tướng DÕ-KẾ-DIAI (SB 1864)
 Trung Tướng NGUYỄN-VĨNH-NGHI (P. 1)

6. Lý do nghỉ việc : biên cố tháng 4/1975
7. Họ Tên Cố Vấn Mỹ : không nhớ
8. Các khóa huấn luyện Hoa-Kỳ tại Việt Nam :
 - Sĩ Quan Trung Đội Trưởng Bộ Binh (10 tháng)
 - Đại Đội Trưởng Bộ Binh (3 tháng)
 - Chỉ huy tham mưu (3 tháng)
9. Phần thưởng hoặc giấy khen : có nhưng không nhớ

G. Bạn hoặc vợ đã huấn luyện ở ngoại quốc : không có

H. Bạn hoặc vợ đã học tập cải tạo :

1. Họ tên người đi học tập cải tạo : LÊ-VĂN-SÁU
2. Thời gian học tập : 6 năm 6 tháng 24 ngày (từ 23-6-75/17-1-82)
3. Vẫn còn học tập cải tạo không ? : K h ô n g

I. Cước chủ phụ thuộc :

Gia đình tôi không được hưởng những điều khoản nhân đạo trong văn bản số 100 của Chính Phủ Việt-Nam và Hoa-Kỳ đã thỏa thuận.

Ký tên :

Ngày 4-9-1986

Lưu Văn Sáu

Lê Văn Sáu

ODP/B
 6/84

BỘ NỘI VỤ
Thủ Đức
Số 246 CRT
(158)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

316 8/2
Mẫu số 001-QLTG, ban hành theo công văn số 2563 ngày 27 tháng 11 năm 1972

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

SHSLD

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966-BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ;

Thi hành án văn, quyết định tha số 03 ngày 05 tháng 01 năm 1982
của B. Nội Vụ.

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh Lê Văn Sáu.

Họ, tên thường gọi Lê Văn Sáu.

Họ, tên bí danh _____

Sinh ngày _____ tháng _____ năm 1939.

Nơi sinh Gia Định.

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt 10/5 Ấp Đình, An Khánh, Thủ Đức,
TP: Hồ Chí Minh.

Can tội Đại úy trưởng phòng điều hành khối huấn luyện. ĐB

Bị bắt ngày 23-6-75 An phạt TTCT

Theo quyết định, án văn số _____ ngày _____ tháng _____ năm _____ của _____

Đã bị tăng án _____ lần, cộng thành _____ năm _____ tháng _____

Đã được giảm án _____ lần, cộng thành _____ năm _____ tháng _____

Nay về cư trú tại 10/5 Ấp Đình, An Khánh, Thủ Đức, TP: Hồ Chí Minh.

- Nhận xét quá trình cải tạo

Trong thời gian học tập cải tạo đã có nhiều tiến bộ, chấp hành nội quy nghiêm, Lao động và học tập tốt.

- Thời hạn quản chế: 12 tháng (Mười hai tháng).

- Thời hạn đi đường: 02 ngày (Kể từ ngày ký giấy ra trại).

- Tiên đi đường đã cấp từ trại về đến gia đình.

(.Nơi cư trú do chính quyền địa phương quy định).

Lưu tay ngón trỏ phải
của Lê Văn Sáu.
Danh bìn số _____
Lập tại _____



Họ tên, chữ ký
người được cấp giấy

[Handwritten signature]

Ngày 17 tháng 1 năm 1982

Giám thị

Trung tá: Đoàn Mịch.

THAY ĐỔI CHỖ Ở CẢ HỘ	
Chứng nhận đã chuyển đến ở : Từ ngày tháng năm Ký tên, đóng dấu	Chứng nhận đã chuyển đến ở : Từ ngày tháng năm Ký tên, đóng dấu
Chứng nhận đã chuyển đến ở : Từ ngày tháng năm Ký tên, đóng dấu	Chứng nhận đã chuyển đến ở : Từ ngày tháng năm Ký tên, đóng dấu
NHỮNG THAY ĐỔI KHÁC	

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập — Tự do — Hạnh phúc	
GIẤY CHỨNG NHẬN HỘ KHẨU THƯỜNG TRÚ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	
Số: 967109 CN	
Họ và tên chủ hộ : Phan - Dĩnh - Dĩnh Ấp, ngõ, số nhà : 10/5 Ấp Bình Thị trấn, đường phố : Xã, phường : An Thạnh Huyện : Vĩnh An	
Ngày 10 tháng 03 năm 1982 Trưởng công an : [Signature] (Ký tên, đóng dấu và ghi rõ họ tên)	
Số NK 3 :	

NHỮNG NGƯỜI THƯỜNG TRÚ TRONG HỘ

Số thứ tự	HỌ VÀ TÊN	Quan hệ với chủ hộ	Nam hay nữ	Ngày tháng năm sinh	Số giấy CMND	Nghề nghiệp và nơi làm việc	Ngày tháng năm đăng ký nhân khẩu thường trú	Ngày tháng năm và nơi chuyển đi	Tên cán bộ ĐKNK
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
01	Phạm Thị Oanh	Chủ hộ	nữ	1918	021429310		07.10.76		
02	Nguyễn Văn Thuật	con	nam	1941			07.10.76		
03	Nguyễn Thị Thành	con	nữ	1944	021429312		07.10.76		
04	Nguyễn Thị Hoa	con	nữ	1950			07.10.76		
05	Nguyễn Văn Hoài	con	nam	1951			07.10.76		
06	Đỗ Thanh Thủy	cháu	nữ	1966	022216596		07.10.76		
07	Đỗ Thanh Huyền	cháu	nữ	1968	022216595		07.10.76		
08	Đỗ Thanh Quang	cháu	nam	1970	022216725		07.10.76		
09	Đỗ Thanh Tuyết	cháu	nữ	1972	022216717		07.10.76		
10	Nguyễn Văn Thuận	cháu	nam	1975			07.10.76		
11	Nguyễn Thị Nhung	cháu	nữ	1977			28.02.78		
12	Nguyễn Thị Loan	cháu	nữ	1978			21.12.78		
13	Đỗ Văn Sơn	ĐC	nam	1939	022216597		08.07.85		

VIỆT-NAM CỘNG-HOÀ

MIỀN PHÍ

ĐO-THÀNH SÀI-GÒN QUẬN NHẤT

XÃ AN-KHÁNH

~~TỈNH GIA-ĐÌNH~~
~~QUẬN THỦ-ĐỨC~~

BỒN TRÍCH-LỤC BỘ HÔN-THÚ

HỒ-SƠ QUÂN-NHÂN

(BẬC --)

Năm 1965

Số hiệu 07

Người chồng : (Tên họ)	LÊ - VĂN - SÁU
Sanh tại :	An-Đông-Xã (Gia-Định)
Sanh ngày :	29 - 05 - 1939
Cha chồng : (Tên họ, sống chết phải nói)	LÊ-VĂN-THO 52 tuổi (sống)
Mẹ chồng : (Tên họ, sống chết phải nói)	VÕ-THỊ-QUÀI 55 tuổi (sống)
Người vợ : (Tên, họ)	NGUYỄN-THỊ-THÀNH
Vợ (chánh hay vợ thứ)	Vợ chánh
Sanh tại :	An-khánh xã (Gia-Định)
Sanh ngày :	16 - 08 - 1944
Cha vợ : (Tên họ, sống chết phải nói)	NGUYỄN-VĂN-THẢO 52 tuổi (sống)
Mẹ vợ : (Tên họ, sống chết phải nói)	PHAN-THỊ-THÊU 47 tuổi (sống)
Ngày cưới :	18 - 3 - 1965
Vợ chồng có khai nhận con tư-sanh làm con chánh-thứ không ? Họ, tên, tuổi, ngày sanh, nơi sanh, của mỗi con tư-sanh nhận con là con chánh thứ.	...

Chứng thật chữ ký bên đây là của Ông Chủ-Tịch

kiêm Ủy-viên Hộ-tịch Xã

Sài Gòn ~~THỦ-ĐỨC~~, ngày 7 tháng 7 năm 1966

KT. QUẢN-TRƯỞNG QUẬN I



Trích y bản chánh 1965

AN-KHÁNH, ngày 03 tháng 08 năm 1966

CHỦ-TỊCH KIỂM ỦY-VIÊN HỘ-TỊCH



BẢN TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH AN-DÔNG-XA
(Extrait du registre des actes de naissance)

-GIADINH- (NAM-PHẦN)
(Sud-Viêt-Nam)

NĂM 1939 SỐ HIỆU 65
(Année) (Acte No)

Tên, họ đứa con nít. (Nom et prénom de l'enfant)	LÊ VAN SAU
Nam, nữ (Sexe de l'enfant)	nam
Sinh ngày nào (Date de naissance)	10 29 mai 1939
Sinh tại chỗ nào. (Lieu de naissance)	An-dông-Xa
Tên, họ cha (Nom et prénom du père)	LÊ VAN THO
Cha làm nghề gì (Sa profession)	làm ruộng
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	An-dông-Xa
Tên, họ mẹ. (Nom et prénom de la mère)	VO THI QUAI
Mẹ làm nghề gì (Sa profession)	làm việc nhà
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	An-dông-Xa
Vợ chánh hay thứ (Son rang de femme mariée)	Vo chánh.

Chúng tôi, Tôn-thất-Hiệp
(Nous)

được Chánh-án Toà Saigon U.N.
(Président du Tribunal)

chứng cho hợp-pháp chữ ký tên của
(Certifions l'authenticité de la signature de)

Ông Nguyễn-van-Hàm
(M.)

Chánh-Lục-sự Toà-án sơ tại
(Greffier en Chef dudit Tribunal).

Saigon, ngày 16-12-1963

T. U. N. CHÁNH-ÁN,
(LE PRÉSIDENT)
THẨM-PHÁN.

Trích y bản chánh:
(Pour extrait conforme):

Saigon, ngày 16-12-1963

CHÁNH LỤC-SỰ,
(LE GREFFIER EN CHEF)

26.01

Giá tiền: 5\$
(Coût)

Biện-lai số: 46436
(Quittance no)

BẢN TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH AN KHANH XA
(Extrait du registre des actes de naissance)

GIA ĐÌNH (NAM-PHẦN)
(Sud-Viêt-Nam)

NĂM 1944 SỐ HIỆU 107
(Année) (Acte No)

Tên, họ đứa con nít. (Nom et prénom de l'enfant)	NGUYEN THI THANH
Nam, nữ (Sexe de l'enfant)	Nu
Sanh ngày nào (Date de naissance)	Le 16 Aoút 1944
Sanh tại chỗ nào (Lieu de naissance)	An Khanh xa
Tên, họ cha (Nom et prénom du père)	NGUYEN VAN THAO
Cha làm nghề gì (Sa profession)	Propriétaire
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	An Khanh xa
Tên, họ mẹ (Nom et prénom de la mère)	PHAN THI THIEU
Mẹ làm nghề gì (Sa profession)	Lam việc nhà
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	An Khanh xa
Vợ chánh hay thứ (Son rang de femme mariée)	Vo chánh

Chúng tôi, Ton that Hiep
(Nous)

được Chánh-án Toà Saigon U.N.
(Président du Tribunal)

chứng cho hợp-pháp chữ ký tên của
(Certifions l'authenticité de la signature de)

Ông Le Minh Dat
(M.)

Chánh Lục-sự Toà-án sở tại.
(Greffier en Chef dudit Tribunal)

Trích y bản chánh:
(Pour extrait conforme):

Saigon, ngày 30 / II / 1964
K.T CHÁNH LỤC-SỰ,
(LE GREFFIER EN CHEF)

Saigon, ngày 30 / II / 1964
T. U. N. CHÁNH-ÁN,
(LE PRÉSIDENT)
THẨM-PHÁN.

Giá tiền: 5
(Coût)

Biên-lai số: 56798/801
(Quittance no)

TRÍCH - LỤC BỘ KHAI SANH

Năm một ngàn chín trăm Sáu mươi tám (1968)

Tên, họ đứa nhỏ.	LÊ-THANH-THYỀN
Phối	Nữ
Ngày sanh.	Mười tháng tám năm một ngàn chín trăm sáu mươi tám - 9 giờ 30 -
Nơi sanh.	Phường Thủ-Thiên Quận Chín Sài Gòn
Tên, họ người Cha	LÊ-VAN-SÁU
Nghề-nghiep.	Quân nhân
Nơi cư-ngy	Phường An-Khánh Quận Chín Sài Gòn
Tên, họ người mẹ.	NGUYỄN-THỊ-THÀNH
Nghề-nghiep.	Nội trợ
Nơi cư-ngy.	Phường An-Khánh Quận Chín Sài Gòn
Vợ chánh hay thứ	Vợ chánh

TRÍCH-LỤC Y BỐN CHÁNH: 1968

Saigon, ngày 14 tháng 8 năm 1968

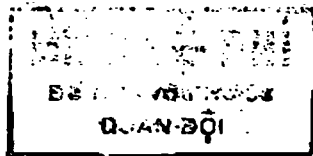
T.Đ.N. ĐÔ-TRƯỞNG SAIGON

K.Đ.Đ. QUẢNG QUẬN CHÍN.

M/6



NGUYỄN-THÀNH-HUONG



ĐÔ-THÀNH SAIGON

Tòa Hành-Chính Quận CHÍN

Số hiệu : 50

*

HỘ - TỊCH

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI SANH

Năm một ngàn chín trăm bảy mươi (1970)

Tên, họ đứa nhỏ . . .	LE-THANH-SANG
Phái.	nam
Ngày sanh	ba tháng mười một năm một nghìn chín trăm bảy mươi, hồi 20 giờ.
Nơi sanh	5/1 Thủ-Thiên, Quận Chín, Saigon.
Tên, họ người Cha . .	LE-VAN-SAU
Tuổi.	ba mươi một
Nghề-nghiệp.	Quân nhân
Nơi cư-ngụ	10/5 Khóm Chợ, Quận Chín, Saigon.
Tên, họ người Mẹ. . .	NGUYEN-THI-THANH
Tuổi.	hai mươi sáu
Nghề-nghiệp.	nội trợ
Nơi cư-ngụ	10/5 Khóm Chợ, Quận Chín, Saigon.
Vợ chánh hay thứ. . .	vợ chánh

Làm tại Saigon, ngày 9 tháng 11 năm 1970

TRÍCH-LỤC Ý BỒN CHÁNH :

Saigon, ngày 11 tháng 11 năm 1970
TL. QUẢN-TRƯỞNG QUẬN CHÍN CHI/1

Số hiệu: 449
S/IO ★

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH

Năm một ngàn chín trăm Bảy Mươi Hai (1972)

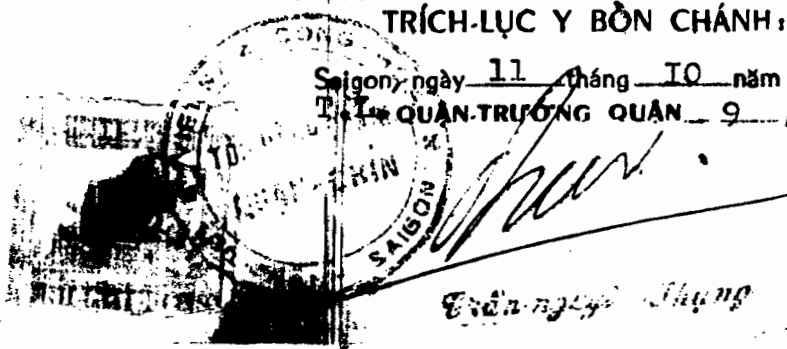
Tên, họ đứa nhỏ	LÊ-THANH-TUYẾT
Phái	Nữ
Ngày sanh	Ngày bốn tháng mười năm một ngàn chín trăm bảy mươi hai, 8 giờ
Nơi sanh.	số-5/I-Phường Thủ-Thiên, Quận-9
Tên, họ người Cha.	Lê-văn-Sáu
Tuổi	ba mươi bốn tuổi
Nghề-nghiệp.	Quân-Nhân
Nơi cư-ngụ	10/5-Khóm-Chợ, Quận-9
Tên, họ người Mẹ	Nguyễn-thị-Thành
Tuổi	hai mươi tám tuổi
Nghề-nghiệp	nội-trợ
Nơi cư-ngụ	10/5-Khóm-Chợ, Quận-9
Vợ chánh hay thứ.	Vợ Chánh

Lập tại Saigon, ngày 09 tháng 10 năm 1972

TRÍCH-LỤC Y BỔN CHÁNH:

Saigon, ngày 11 tháng 10 năm 1972

T. L. QUẢN-TRƯỞNG QUẬN 9 K



Trần-nguyễn-Thị-ng

DANGEL

105

SEP 0 5 1989

Families of Vietnamese Political Prisoners Association
P.O. Box 5435 ~~██████████~~
Arlington, Virginia
22205-0635

CONTROL

____ Card
____ Doc. Request; Form
____ Release Order
____ Computer
____ Room "D"
____ ~~Copy Date~~
____ Membership Letter 9/4/89